

ĐẠO DỊCH

TRONG VIỆC TÌM HIỂU KINH DỊCH VÀ VĂN HÓA ĐÔNG Á

Thái Đông A

I- DẪN NHẬP:

Kinh Dịch là một kỳ thư.

Kinh Dịch là một quyển kinh có nhiều cái độc đáo.

- **Cái độc đáo thứ nhất**, là không có một ngành học thuật ở Trung Quốc, không bị nó chi phối, nó đã mê hoặc Khổng Tử và Lão Tử làm cho hai vị này phải đọc kỹ nó và hiểu thấu đáo những tư tưởng uyên áo của nó để diễn đạt ra Tứ Thư Ngũ Kinh, Đạo Đức Kinh.

Như vậy thì có thể nói nó đã tạo ra văn minh văn hóa Trung Quốc.

- **Cái độc đáo thứ hai**, là nhờ nó Khương Tử Nha đã giúp Văn Vương và Võ Vương thắng được nhà Thương, lập ra Triều đại nhà Chu 800 năm. Nhờ nó Khổng Minh đã giúp Lưu Bị chia ba thiên hạ thời Tam Quốc, giúp Trương Lương lập nên nhà Hán, giúp Trần Hưng Đạo thắng quân Mông Cổ, giúp Lê Lợi thắng quân Minh v.v...

Như vậy có thể nói là nó đã làm thay đổi lịch sử loài người !

- **Cái độc đáo thứ ba**, là nhờ nó Leibniz mới chế ra được hệ Nhị Phân, và nhờ hệ nhị phân, ngành Tin Học mới phát triển được như ngày hôm nay.

- **Cái độc đáo thứ tư**, là tuy nó có khả năng ghê gớm như vậy nhưng ngày nay phần lớn người trong thiên hạ nói Kinh Dịch là một cuốn bói toán tầm thường.

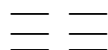
- **Cái độc đáo thứ năm**, là nó được viết bằng một ngôn ngữ lạ lùng, chỉ là những phù hiệu gồm một vạch đứt (— —) gọi là hào âm và một vạch liền (—) gọi là hào dương.

Các vạch âm dương chồng lên nhau thành các quái (hay quẻ đơn) gọi là Bát Quái và các quẻ (quẻ kép), quẻ Dịch gồm có 2 quái (quẻ đơn) chồng lên nhau, gọi là ngoại quái ở trên và nội quái ở dưới. Mỗi quái có 3 hào âm dương chồng lên nhau. Có 8 quái tức Bát Quái ; bát quái đại diện cho vạn vật trong vũ trụ gồm có :

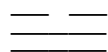
CÀN



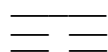
KHÔN



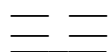
ĐOÀI (Trạch)



CẤN (Sơn)

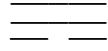


CHẤN (Lôi)

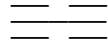
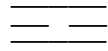


TỐN (Phong)


LY (Hỏa)



KHÂM (Thủy)



Mỗi quẻ có 6 hào, nội quái (quái dưới) có 3 hào, ngoại quái (quái trên) có 3 hào.

Thí dụ quẻ Thái () gồm :

Quái Địa ở trên, quái Thiên ở dưới.

Quyển Kinh Dịch chỉ gồm có 64 quẻ (cũng gọi là quẻ kép, vì có lúc người ta gọi bát quái là những quẻ đơn).

Tác giả của Kinh Dịch không viết lời. Văn Vương đã gắn lời vào mỗi quẻ, gọi là quái từ, con thứ của Văn Vương là Chu Công đã gắn lời vào các hào gọi là hào từ.

Về sau khoảng 500 năm sau, Khổng tử đã làm Dịch truyện để giải thích quái từ và hào từ và Khổng Tử cũng giải thích về triết lý của Kinh Dịch.

Nhờ có quái từ hào từ và Dịch truyện, người ta mới hiểu được ý nghĩa của Kinh Dịch.

Sau thời Khổng Tử, Kinh Dịch và Dịch truyện đã được phổ biến rất sâu rộng. Trong hơn 2000 năm qua trải qua các thời Tiên Tần, Hán,

Đường, Tống, Nguyên, Mông, Thanh, có cả triệu người nghiên cứu Dịch và có cả ngàn cuốn sách viết về Kinh Dịch.

Nhưng có một điều khó giải thích là một quyển kinh quan trọng như vậy : Nó là một trong Ngũ Kinh, bất cứ một Nho Sĩ nào muốn thi Tiên Sĩ phải thông thạo Kinh Dịch mới có thể thi đậu được. Thế mà những người ở thời nay muốn học Dịch thì thật là cả một vấn đề lớn. Kinh Dịch rất khó hiểu, không có một cuốn sách Dịch nào có thể đọc để lãnh hội được ý nghĩa uyên áo của Kinh Dịch.

Tôi đã gặp những quý vị trí thức, học rộng tài cao, đã đề ra hai ba chục năm trời nghiên cứu, rồi cuối cùng phải bỏ cuộc.

Một câu hỏi được đặt ra để đi kiếm một câu trả lời mà mọi người đang mong đợi.

- Tại sao với bao nhiêu khối óc thông hiểu Kinh Dịch trong một thời gian cả 2000 năm mà không có người nào lý giải, trình bày quyển Kinh Dịch cho có lý, có lẽ, sáng sủa để ai muốn nghiên cứu học hỏi Dịch Lý có thể dựa vào đó mà học.

Theo người viết thì có hai lý do chính.

1) Phương pháp luận lý.

- Tác giả Kinh Dịch viết Kinh Dịch không sử dụng loại luận lý thông thường, được gọi là luận lý một chiều, đó là luận lý ta thường sử dụng hàng ngày. Luận lý hay phương pháp tư duy được sử dụng trong Kinh Dịch là luận lý âm dương, và cũng được gọi là luận lý hai chiều.

Muốn hiểu Kinh Dịch chúng ta phải thông hiểu luận lý hai chiều, đó là một hình thức của Lý Thái Cực. Lý Thái Cực là lý âm đi kiếm dương, dương đi kiếm âm ở điểm trung hòa tức là Thái Cực. Lý Thái Cực

đã được người viết trình bày trong trang mạng *minhtrietviet.net*, tháng 2, 2003.

2) Phương pháp cấu tạo Kinh Dịch

Tác giả Kinh Dịch đã sử dụng một phương pháp được gọi là “*Dĩ nhất quán vạn*”, tức lấy một lý thông vạn lý, lấy chữ Đạo hay Thái Cực để bao quát toàn thể vạn hữu.

Đã có người ví quyền Kinh Dịch là một lâu đài thần bí được xây bằng những viên gạch âm dương thần bí.

Đúng vậy, Kinh Dịch là một lâu đài thần bí, đã có cả ngàn vạn người muốn vô tòng lâu đài thần bí này để kiếm ra những kho tàng to quý báu được tích chứa trong các quẻ Dịch, nhưng rất tiếc : rất ít người vào được tòng lâu đài này.

Vì vậy, người viết nhận thấy muốn vào tòng lâu đài này phải có một cái chìa khóa và một tấm bản đồ chỉ đường để đi vào các kho tàng cất giấu ở trong các quẻ Dịch.

Cái chìa khóa của tòng lâu đài này là Lý Thái Cực.

Cái bản đồ của lâu đài này hướng dẫn chúng ta tới các *kho báu cất giấu trong các quẻ Dịch*, chính là **Đạo Dịch** mà chúng tôi có hân hạnh được trình bày dưới đây, trong bài này.

Mục đích của bài này là :

1- Làm rõ nghĩa chữ Đạo Dịch và trình bày Đạo Dịch đã được sử dụng như thế nào để tạo dựng nên quyền Kinh Dịch, đã được các triết gia Đông Phương coi như Kinh Thánh, và hiện nay cả thế giới đang ngưỡng mộ và cố gắng tìm hiểu.

2- Trình bày ý nghĩa của Quẻ và Hào của quẻ, liên hệ giữa Đạo Dịch và các quẻ và hào.

3- Công dụng và lợi ích của Đạo Dịch trong việc giải quyết các vấn đề, những bài học cho Đạo Làm Người. Đạo Dịch và văn hóa Trung Quốc và Việt Nam.

II- Định nghĩa Đạo Dịch

1- Đạo Dịch là Đạo âm dương

Đạo Dịch là con đường biến dịch, nguyên tắc của sự biến dịch, trước thời Chiến Quốc người ta hiểu như vậy. Nhưng từ khi có Dịch truyện thì người ta không hiểu Đạo Dịch đơn giản như vậy. Dịch truyện định nghĩa Đạo Dịch như sau :

“*Nhất âm, nhất dương chi vi đạo*” (một âm, một dương là Đạo trời).

Đạo vô hình nhưng đã được thể hiện trong vũ trụ vạn vật bằng 2 thể Âm và Dương. Âm Dương đã thể hiện ra mọi nơi, mọi chốn, mọi thời. Không có một vật thể nào mà không có 2 yếu tố Âm Dương ở bên trong.

Âm Dương là một tiên đề đã được khoa học hiện đại chứng minh bằng những dữ kiện khoa học.

Khoa học đã chứng minh rằng hai yếu tố Âm Dương đã được tạo ra trong vụ nổ lớn (big bang). Ngay từ đầu, 2 yếu tố âm là *electron* và dương là *proton* đã được tạo ra, hai yếu tố âm dương này (*electron* và *proton*) đã giao nhau để trở thành nguyên tử *hydrogen*. Nguyên tử Hydrogen chiếm 75% những vật chất được tạo ra sau big bang và hydrogen tức hai yếu tố *âm dương hòa*, tức âm dương đã kết hợp được với nhau trở thành một đơn vị tạo thành mọi vật thể từ các vì sao, mặt trời,

mặt trăng đều do hydrogen tạo thành. Thí dụ như mặt trời là một khối hydrogen đang ở một nhiệt độ lớn khủng khiếp. Các vật thể như oxy (O) là do 8 nguyên tử hydrogen tạo ra, Đồng (Cu) được tạo ra do 29 nguyên tử hydrogen hợp lại, mọi vật thể trong vũ trụ đều do nguyên tử hydrogen tạo thành, đúng như lời Lão Tử nói Đạo (tức Thái Cực, tức âm dương hòa) ở mọi nơi, ở chỗ đơ bản nhất cũng có Đạo ở bên trong.

Khoa học đã chứng minh hai yếu tố âm dương là ở mọi nơi, mọi vật thể đều cấu tạo bằng hai yếu tố âm dương, như đã chứng minh.

Nhưng còn một sự thật mà ít được nói tới là âm dương luôn ở trạng thái âm dương hòa. Người ta biết rằng không có cô âm và không có cô dương tức là âm dương không bao giờ lẻ loi, ở một mình, luôn luôn kết hợp với “đối ngẫu” của mình. Nhưng không ai biết tại sao và cũng chẳng ai để ý tới, tình trạng vô cùng quan trọng đó. Đó là một tình trạng luôn luôn xảy ra, gọi là âm dương hòa và được gọi là **Đạo Dịch**.

Tình trạng âm dương hòa xảy ra ở tầng nguyên tử : bất cứ nguyên tử nào cũng có electron (âm điện tử) luôn luôn quán quít chung quanh proton và neutron (dương điện tử và trung hòa tử).

Tình trạng âm dương hòa cũng xảy ra ở tầng hạ nguyên tử.

Ở tầng Hạ Nguyên Tử

Trong nhân nguyên tử, dưới proton và neutron có hạt quark âm và hạt quark dương luôn biến động nhưng hạt quark âm vẫn đi kiếm hạt quark dương để kết hợp, giao nhau thành một thể trung hòa, nhưng tình trạng trung hòa rất ngắn ngủi chỉ kéo dài có một phần triệu giây đồng hồ. Như vậy tình trạng âm dương hòa hay Đạo Dịch là một hiện tượng luôn xảy ra ở bất cứ nơi nào. Tóm lại **Đạo Dịch** là một chân lý đã được khoa

Vật Lý *hạ nguyên tử* và Lượng Tử chứng minh. Đạo Dịch đã có một cơ sở khoa học rất vững chắc, không thể nào phản bác được.

Và tác giả của Kinh Dịch đã sử dụng Đạo Dịch để cấu tạo ra quyển Kinh Dịch là đã làm một công việc rất khoa học.

2- Đạo dịch là đạo đi ra và đạo đi về.

Trước khi đi sâu vào định nghĩa thứ hai của Đạo Dịch, ta hãy xem xét những điều quan trọng của định nghĩa thứ nhất :

– Đạo dịch là đạo âm dương : Âm dương tạo nên vạn vật, ở đâu cũng có âm dương, không có vật nào mà không có âm dương ở bên trong.

– Một đặc tính thứ hai của âm dương là âm dương không bao giờ xa rời nhau, âm luôn ở bên dương, nếu chỉ có dương (cô dương) mà không có âm và ngược lại nếu chỉ có âm (cô âm) mà không có dương thì vũ trụ vạn vật cũng biến mất, không hiện hữu được.

Nếu hỏi tại sao như vậy thì câu trả lời là tại vì đó là thiên lý, là luật trời.

Tình trạng này gọi là tình trạng âm dương hòa. Tức là tình trạng mà âm và dương luôn luôn giao hòa với nhau. Vì nó luôn luôn xảy ra nên gọi là đạo âm dương hòa.

– Một cơ cấu rất quan trọng trong Dịch học được mệnh danh là cơ cấu tam tài thiên địa nhân. Cơ cấu tam tài chính là cơ cấu âm dương hòa :
- Thiên là dương, địa là âm, nhân là yếu tố trung hòa (có cả âm lẫn dương).

Định nghĩa thứ nhất cho ta biết đặc tính của âm dương, cơ cấu âm dương, câu hỏi tiếp theo cần phải được giải đáp tường tận trong việc tìm hiểu kinh dịch là âm dương ở đâu ra, và sẽ đi về đâu. Đó là sự sinh thành và kết cấu của vũ trụ vạn vật.

Ta hãy lấy việc nhỏ để suy ra việc lớn : Anh X do gia đình Z_1 sinh ra, gia đình Z có ông bố A và bà mẹ B. Nay anh X đã khôn lớn và sẽ gặp cô Y để lấy làm vợ và lập gia đình Z_2 . Anh A đã hoàn tất, vòng đi ra và đi về. Gia đình Z ở đây là điểm đi về. Gia đình là một thái cực vì gia đình đã sinh ra anh X (dương) và cô Y (âm).

Một thí dụ khác, một electron bị một dòng điện cuốn đi khỏi nhân nguyên tử. Electron đi theo dòng điện để làm sáng cả một thành phố hay chuyển động các máy móc của một nhà máy sản xuất thực phẩm chẳng hạn. Nhưng nó luôn luôn mong mỏi được đi về với nhân nguyên tử. Khi điện thế trở về số không thì nó lại được trở về với nhân nguyên tử. Nhân nguyên tử trong trường hợp này là Thái cực.

Đạo đi ra và đạo đi về hiện diện ở mọi nơi, mọi chốn, mọi thời, nó là động cơ lớn nhất và là lý do duy nhất cho mọi biến dịch.

Các biến động trong thiên nhiên trong xã hội loài người tuy có vẻ rất phiền nhiễu nhưng chỉ là đạo đi ra và đạo đi về được thể hiện ra mà thôi.

Tác giả kinh dịch đã dựa vào những hiện tượng và những luật tắc thiên nhiên, bắt chước những gì xảy ra trong vạn hữu đã làm ra quyển kinh dịch.

Dưới đây chúng ta sẽ nghiên cứu nội dung của đạo đi ra và đi về, nghiên cứu, xem xét cách thức âm dương được tạo ra như thế nào, những

cách thức và dạng thực nào để biểu đạt các yếu tố âm dương trước khi đi vào nội dung của đạo đi về.

2.1- Đạo dịch là đạo đi ra.

Các yếu tố âm dương ở đâu ra và cách thức cấu tạo các yếu tố âm dương như thế nào ?

Trong khoa học như đã trình bày 2 yếu tố âm dương là electron và proton đã được sinh ra do vụ nổ lớn (bigbang) còn trong dịch học cũng có thuyết thái cực sinh lưỡng nghi, rồi bát quái. Lưỡng nghi cũng chỉ là âm dương. Bát quái cũng là âm dương gồm có 8 quái (hay quẻ đơn) đó là càn khôn, đoài cần, chấn tốn, khảm ly. Sự hiểu biết và cách thức tạo ra bát quái sẽ giúp ta rất nhiều trong việc tìm hiểu kinh dịch.

Có hai thuyết về sự cấu tạo bát quái, cả hai đều diễn đạt một ý là vạn vật sinh ra từ thái cực, từ đạo, nhưng cách nói thì khác nhau.

Dịch Truyện nói “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”.

Ưu điểm của thuyết này là nói bát quái sinh ra từ thái cực, nhưng dùng lý luận thông thường mà không xử dụng lý luận âm dương vì vậy chúng ta phải dùng thuyết của lão tử để bổ khuyết cho Dịch Truyện.

Lão tử nói trong Đạo Đức kinh (chương 42) : “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật” (Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật).

Nhất ở đây là thái cực, hai là âm và dương, ba chính là yếu tố âm dương hòa (âm giao hòa với dương).

Như vậy ta có thể nói thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi phải giao nhau mới sinh ra bát quái và bát quái đại diện cho vạn vật.

Đạo Đức kinh (chương 42) đã nói theo Đạo dịch là âm dương phải giao hòa với nhau mới sinh ra được vạn hữu, vạn hữu được đại diện bởi bát quái.

Lưỡng nghi cũng chỉ là âm dương, nhưng lưỡng nghi đại diện tổng quát cho hết thấy các yếu tố âm dương nên được gọi là Càn Khôn.

Càn Khôn là gì ? Theo triết lý tam tài thiên địa nhân, càn là gồm 3 hào dương đại diện cho thiên địa nhân dương.

Thiên dương —

Nhân dương —

Địa dương —

Khôn là gồm 3 hào đại diện cho thiên địa nhân âm

Thiên âm --

Nhân âm --

Địa âm --

Càn Khôn do thái cực sinh ra và theo Đạo Dịch hay Đạo âm dương hòa Càn và Khôn giao nhau ở điểm âm dương hòa (tức thái cực) để sinh ra bát quái.

Cách thức Càn Khôn giao nhau để sinh ra bát quái như sau :

– Càn (☰) giao với Khôn (☷) ta có :

Tôn ☱ - Càn lấy 1 hào âm (--) đầu của Khôn, ta có quẻ Tôn (☱)

- Tồn là quẻ âm vì âm là thiếu số, âm chỉ có 1 hào trong khi dương có 2 hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ thuộc âm.

Ly ☲ Càn lấy 1 hào âm (–) giữa của Khôn, ta có quẻ Ly (☲),
(hỏa) Ly (☲) là quẻ âm vì âm là thiếu số, âm chỉ có 1 hào, trong khi dương có hai hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ thuộc âm.

Đoài ☱ Càn lấy 1 hào âm (–) của Khôn, ta có quẻ Đoài (☱).
(Trạch) Đoài (☱) là quẻ âm vì âm là thiếu số, âm chỉ có 1 hào, dương có hai hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ thuộc âm.

Khôn ☷ Giao với Càn (☰), ta có :

Chấn ☳ Khôn lấy 1 hào dương (—) của Càn, ta có quẻ Chấn (☳),
(Lôi) Chấn (☳) là quẻ dương vì dương là thiếu số, dương chỉ có 1 hào trong khi âm có 2 hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ thuộc dương.

Khảm ☵ Khôn lấy 1 hào dương giữa của Càn, ta có quẻ Khảm (☵).
(Thủy) Khảm (☵) là quẻ dương và dương là thiếu số, dương chỉ có 1 hào. Trong khi âm có 2 hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ là dương.

Cấn ☶ Khôn lấy 1 hào dương (—) cuối của Càn, ta có quẻ Cấn
(Sơn) Cấn (☶) là quẻ dương vì dương là thiếu số, dương chỉ có 1 hào, trong khi âm có 2 hào.

Thiếu là chủ quẻ nên quẻ thuộc dương.

Đó là bát quái sinh ra từ thái cực, theo thuyết của Lão Tử : “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật” 4 chữ nó ở trên.

Bát quái được xếp trong Tiên thiên bát quái đồ như sau :



Sở dĩ gọi là Tiên thiên bát quái vì đó là những yếu tố âm dương căn bản để sinh ra vạn hữu, sinh ra mọi biến cố, mọi biến dịch trong thiên nhiên, trong xã hội loài người và chính trong tâm con người, các quẻ được xếp theo vị thế đã đạt được 3 mục đích sau đây:

① Đó là một bản đồ hướng dẫn các quẻ trở về giao nhau tại thái cực để thực hiện đạo dịch : Đạo âm dương hòa, tức là đạo đi về.

② Thái cực đồ là một vòng thăng giáng của âm dương, âm thăng từ Khôn lên Càn theo các bước sau :

Khôn ☷☷☷ Càn ☰☰☰ Khâm ☶☶☶ Tốn ☴☴☴ Chấn ☳☳☳ Ly ☲☲☲ Đoài ☱☱☱ Càn ☰☰☰

Giáng từ Càn xuống Khôn theo các bước sau :

Càn ☰☰☰ Đoài ☱☱☱ Ly ☲☲☲ Chấn ☳☳☳ Tốn ☴☴☴ Khâm ☶☶☶ Càn ☰☰☰ Khôn ☷☷☷

Tác giả kinh dịch đã dựa theo sự thăng giáng của âm dương để xếp thứ tự các quẻ trong kinh dịch.

③ Bát quái đồ cho ta một ý niệm về sự quân bình âm dương. Ý niệm quân bình là vấn đề cốt lõi của đạo dịch. Đạo dịch được diễn đạt bằng danh từ âm dương hòa. Âm dương có hòa được với nhau hay không thì âm và dương phải quân bình tức âm phải bằng dương, thế cho nên Thiệu Khang Tiết nói “Âm gặp dương thì hết”.

Thí dụ: Lôi (☳) là dương ở nội quái gặp phong (☴) là âm ở nội quái, lôi có 3 hào đều ứng với 3 hào của phong nên :

$$(\overline{\text{☳}}) + (\overline{\text{☴}}) = \mathbf{Zero}$$

Vì âm gặp dương thì hết (theo Thiệu Khang Tiết) ý niệm quân bình rất khó diễn đạt, nên mọi người đều hiểu âm dương hòa là thế nào, nhưng khi diễn đạt thì gặp khó khăn.

Người ta diễn đạt ý niệm quân bình bằng nhiều danh từ, mỗi danh từ đều có dụng ý; chẳng hạn trong Trung Dung của Tử Tư có nói tới “chí trung hòa”, chí trung hòa chỉ để diễn tả danh từ âm dương hòa nhưng nhấn mạnh tới điều kiện của âm dương hòa là âm phải tuyệt đối bằng dương. Chữ chí ở đây chỉ có nghĩa là tuyệt đối âm phải bằng dương thì âm + dương mới bằng zero được.

2.2- Đạo dịch là đạo đi về.

Bát quái đã được sinh ra từ thái cực, sẽ đi về đâu ? Các yếu tố âm dương do bát quái đại diện sẽ biến chuyển di động theo nhiều kiểu cách khác nhau, nhưng luôn luôn trở về với thái cực để tìm người đối ngẫu của mình, Trạch (đào) sẽ kiếm sơn (cán), lôi (chấn) sẽ kiếm phong (tôn), hỏa (ly) sẽ kiếm thủy (khảm), càn sẽ kiếm khôn để giao hòa với nhau.

Đây là một ước vọng vô cùng to lớn của tất cả yếu tố âm dương trong trời đất. Dương sẽ về với âm, âm sẽ về với dương. Như đã trình bày

trong vật lý người ta đã chứng minh được thuyết vụ nổ lớn, khi hai khí electron (âm) và proton (dương) do vụ nổ lớn sinh ra liền đi kiếm để gặp nhau và giao hòa với nhau thành nguyên tử hydrogen.

Khi một electron bị lôi ra khỏi nhân nguyên tử thành một dòng điện khi điện thế trở về số không thì electron lại trở về với proton tại nhân nguyên tử. Trong xã hội loài người, người chồng dù đi đâu xa, đi làm hay đi công tác xa nhưng cuối cùng cũng về với gia đình, ở đó người vợ đang chờ đợi. ĐẠO ĐI VỀ hiện diện ở mọi nơi trong thiên nhiên, trong xã hội loài người. Bát quái cũng đi về với người đối ngẫu của mình tại điểm trung hòa tức thái cực

- 1- Càn về với Khôn ta có quẻ Thái
- 2- Khôn về với Càn ta có quẻ Bi
- 3- Trạch về với Sơn ta có quẻ Tốn
- 4- Sơn về với Trạch ta có quẻ Hàm
- 5- Hòa về với Thủy ta có quẻ Ký tế
- 6- Thủy về với Hỏa ta có quẻ Vi tế
- 7- Lôi về với Phong ta có quẻ Ích
- 8- Phong về với Lôi ta có quẻ Hằng

Nhưng trên bước đường đi tìm kiếm người đối “ngẫu” của mình các quẻ của bát quái phần lớn gặp những người không được ứng hợp như mong đợi.

Thí dụ: Lôi (☳☳) có một cơ hội gặp phong nhưng có 7 cơ hội gặp những quẻ không ứng hợp gồm có :

- ① Quẻ Phong lôi ích (䷗) có ứng hợp hoàn toàn 100%
- ② Quẻ Địa lôi phục chỉ có 1 hào ứng hợp.
- ③ Quẻ Sơn lôi dich chỉ có 2 hào ứng hợp.
- ④ Quẻ Thủy lôi truân chỉ có 2 hào ứng hợp.
- ⑤ Quẻ Thuần chấn không có hào nào ứng hợp.
- ⑥ Quẻ Hỏa lôi phê hạp chỉ có 1 hào ứng.
- ⑦ Quẻ Trạch lôi tòng chỉ có 1 hào ứng.
- ⑧ Quẻ Thiên lôi vô vong chỉ có 2 hào ứng.

Với cách thức như trình bày ở trên ta có thể tạo 8 quẻ kép cho mỗi quái trong 8 quái (quẻ đơn). Như vậy ta có $8 \times 8 = 64$ quẻ dịch (quẻ kép).

Như vậy các quẻ dịch trong kinh dịch không được cấu tạo một cách ngẫu nhiên, tùy tiện, nhưng được cấu tạo bằng Đạo Dịch, tức Đạo đi về, bằng một luật thiên nhiên, tức thiên lý.

Mỗi quẻ là một thành phần của một toàn thể. Một quẻ dịch (tức quẻ kép) được cấu tạo để đại diện một hiện tượng trong vũ trụ vạn vật, trong xã hội loài người. Hiện tượng này là một phần của toàn thể thế giới đang chuyển động, thay đổi và biến dịch. Hiện tượng đó xảy ra do hai yếu tố: Yếu tố chủ và yếu tố khách. Nội quái (tức quái ở dưới), là chủ và ngoại quái (tức quái ở trên) là khách. Theo Đạo đi về thì chủ đi kiếm khách. Hay nói một cách khác, nội quái đi kiếm người phối “ngẫu” của mình ở ngoại quái để ứng hợp, hay để giao hòa.

64 hiện tượng sẽ xảy ra do cuộc săn đuổi của các quẻ ở nội quái. Đặc tính của các hiện tượng tùy thuộc quẻ gì ở nội quái, gặp quẻ gì ở

ngoại quái. Thí dụ: nếu Lôi (☳☳) ở nội quái gặp phong ở ngoại quái tức có sự ứng hợp 100% thì sẽ có quả ích. Ích là có lợi ích, lợi lộc được gia tăng. Nhưng nếu Lôi gặp Sơn (☶☶) thì sẽ có quả Sơn lôi di (☶☳), di là cần nuôi dưỡng, tức thiếu ăn, thiếu ăn vì làm ăn thất bại, lợi ích không tăng lên, làm ăn không có lời, tức lỗ vốn.

Với lý lẽ âm dương, với Đạo Dịch Kinh dịch sẽ sáng ra, rạn rỡ và dễ hiểu. Chúng ta sẽ chứng minh rằng Kinh dịch sẽ không còn là một quyển sách đầy thần bí, mà là một quyển minh triết với những lý lẽ sáng sủa, một bó đuốc soi sáng những vấn đề của con người, đưa ra những phương pháp giải quyết vấn đề.

III- Kinh dịch được cấu tạo bằng Đạo Dịch và Lý thái cực.

Đạo dịch như đã trình bày, là đạo đi ra và đạo đi về.

Đạo đi ra sản sinh ra bát quái.

Đạo đi về đã làm nên 64 quẻ dịch.

Chúng ta sẽ nghiên cứu ý nghĩa của mỗi quẻ dịch và tên quẻ, tiếp theo là ý nghĩa của các hào trong quẻ. Chúng ta sẽ đem ánh sáng của Đạo Dịch và Lý thái cực đã làm rõ ý nghĩa của các quẻ và các hào cùng tên quẻ.

A- ĐẠO DỊCH LIÊN HỆ TỚI TÊN QUẺ VÀ Ý NGHĨA CỦA QUẺ.

Như đã trình bày, 64 quẻ dịch được cấu tạo bằng Đạo dịch : Đạo đi về. Với lý lẽ của Đạo dịch tức Đạo âm dương hòa, hay Đạo đi về : âm về với dương, dương về với âm, chúng ta sẽ khám phá ra các ý nghĩa của

quẻ, tức quái tượng và ta sẽ hiểu tại sao tên quẻ lại được gọi như vậy mà không gọi khác đi, Đạo dịch cũng làm sáng ra những quái từ.

Trước khi đi vào việc khảo sát ý nghĩa quẻ và tên quẻ, chúng tôi cần phải nói rõ đặc tính của các quái trong bát quái, vì ý nghĩa của quẻ và tên quẻ tùy thuộc các đặc tính của từng quái (quẻ đơn) trong bát quái.

- 1) Đoài** - là quẻ âm.
(Trạch) - tĩnh
- hướng biến dịch : đi xuống.

Hào dương một và hào dương hai thuộc các tài nhân và địa có khuynh hướng đi xuống.

- 2) Ly** - là quẻ âm.
(Hỏa) - động
- hướng biến dịch : đi lên

- 3) Chấn** - là quẻ dương.
(Lôi) - động
- hướng biến dịch : đi lên

- 4) Tốn** - là quẻ âm.
(Phong) - động
- hướng biến dịch : đi lên

- 5) Thủy** - là quẻ dương.
- động
- hướng biến dịch : đi xuống và đi ngang.

- 6) Cấn** - là quẻ dương.
(Sơn) - tĩnh
- hướng biến dịch : đi xuống

- 7) Càn** - là quẻ dương.
- động
- hướng biến dịch : đi lên

- 8) Khôn** - là quẻ âm.
- tĩnh
- hướng biến dịch : đi xuống.

Ngoài ra, một quy luật quan trọng là quẻ dịch sở dĩ có 3 hào và 3 hào của quẻ dịch đại diện, phỏng theo cơ cấu tam tài thiên địa nhân. Vì vậy đặc tính của các hào cũng có những đặc tính của các tài trong cơ cấu tam tài thiên địa nhân.

- Tài địa (đại diện hào đầu) có đặc tính vật chất,
- Tài thiên (đại diện cho hào cuối) có đặc tính tinh thần, trừu tượng tình cảm, không có hình thù.
- Tài nhân (đại diện cho hào 2) có đặc tính trung tính, không vật chất, không tinh thần, không trừu tượng, có cả 2 thứ cùng một lúc, đại diện phần lớn cho tâm, tướng.

Để làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi sẽ lấy các trường hợp, dương đi kiếm âm, âm đi kiếm dương như trong các quẻ sau đây:

1- Dương kiếm âm và được sự ứng hợp của 3 hào.

Lấy thí dụ:

- Quẻ Trạch sơn hàm

Quẻ dương Sơn ở nội quái đi tìm Trạch ở ngoại quái và kiếm được Trạch, có sự ứng hợp của cả 3 hào (ứng hợp 100%). Tại sao Sơn gặp Trạch lại có tên là Hàm ?

Hào 3 dương của quẻ Sơn ứng hợp với hào 6 âm của quẻ Trạch ngoại quái.

Sự ứng hợp này thuộc lĩnh vực tình cảm (như đã trình bày về tính chất của quẻ Trạch). Đó là tình cảm trai gái: tình yêu vì vậy quẻ có tên là Hàm. Hàm là cảm, cảm ứng.

Quẻ nói về tình yêu nam nữ thoán từ quẻ Hàm: “Hàm hanh, lợi trinh, thủ nữ cát” (giao cảm thì hanh thông, giữ đạo chính thì lợi, lấy con gái thì tốt).

2- Dương kiếm âm và chỉ ứng có 1 hay 2 hào.

Thí dụ: Quẻ Hòa Sơn Lữ , quẻ dương Sơn ở nội quái đi tìm Trạch ở ngoại quái nhưng không gặp Trạch mà gặp Hỏa dương của quẻ Sơn gặp hào 6 dương của quẻ Hỏa nên gây ra tình trạng xung đột quá dữ dội, vì hào dương 3 của sơn rất cương lại gặp hào 6 dương của quẻ Hỏa còn cương cường gấp bội nên Sơn phải chạy trốn ra ngoài làm khách. Do đó, quẻ có tên là Lữ. Lữ là bỏ nhà ra làm khách. Tên quẻ cũng nói lên ý nghĩa của quẻ.

Thoán từ của quẻ Lữ : “Lữ, tiểu hanh, lữ trinh cát” (ở đậu, hơi hanh thông. Đi ở đậu mà giữ đạo chính thì tốt).

3- Dương kiếm âm không gặp âm mà gặp dương.

Thí dụ quẻ:

- Thủy Sơn kiện

Sơn không gặp Trạch mà gặp Thủy nên có tên là Kiển. Kiển là gian nan, khó khăn. Tại sao Sơn gặp Thủy lại gian nan, khó khăn?

Hào 3 dương của Sơn có ứng với hào 6 âm của Thủy, nhưng Sơn thì đứng yên mà Thủy thì di động luôn trên mặt đất nên Sơn phải gian nan để theo đuổi hào 6 âm của Thủy, không bao giờ Sơn có thể gặp Thủy được, nên có tên là Kiển gian nan, khó khăn.

4- Âm kiếm dương và có sự ứng hợp của 3 hào.

Thí dụ:

- Quẻ Lôi phong hằng

Phong gặp Lôi có sự ứng hợp của cả 3 hào. Tại sao Phong gặp Phong lại Hằng ? Hằng là không thay đổi, lâu dài. Phong có đặc tính là gió, là bay muôn phương. Phong do Càn mất một hào dương một mà thành. Vì hào dương 1 đại diện cho tài địa trong cơ cấu tam tài thiên địa nhân nên Phong mất tài địa nên không bám vào đất được nên bay di muôn phương. Nay gặp hào dương một của quẻ Lôi Phong trở nên ổn định không đi muôn phương nữa và ở yên một chỗ, vì vậy quẻ có nghĩa là không thay đổi, lâu dài.

Cái lý này suy ra từ Đạo Dịch vậy.

5- Âm kiếm dương và không có sự ứng hợp của 3 hào chỉ có 1 hay 2 hào ứng hợp.

Thí dụ quẻ :

- Thủy phong tĩnh

Phong kiếm Lôi không gặp Lôi mà gặp Thủy. Tại sao Thủy gặp Phong lại là tĩnh? Tĩnh là giếng nước.

Các mạch nước trong đất có gió lùa đi, nước chuyển dịch trong các mạch nước nhờ có gió thổi đi, vì vậy nước sẽ cuốn đi theo chiều gió và sẽ tụ thành giếng khi gặp cơ hội.

6- Dương kiếm âm và có sự ứng hợp của 3 hào.

Thí dụ:

- Quẻ Phong lôi ích

Lôi đi kiếm Phong gặp Phong nên có quẻ Ích. Ích là có lợi ích, lợi ích tăng lên.

Tại sao Lôi gặp Phong lại ích ? Hào 1 dương của quẻ Lôi gặp được hào 4 âm, là ước ao về vật chất đã được thỏa mãn nên ích lợi, tại sao như vậy? Vì theo triết lý tam tài thiên địa nhân hào 1 của quẻ Lôi thuộc tài địa, thuộc vật chất. Ước nguyện về vật chất được đáp ứng. Do đó, ta có quẻ Phong Lôi Ích.

7- Dương kiếm âm không gặp, lại gặp dương.

Thí dụ:

- Quẻ Sơn lôi di

Quẻ Lôi gặp gặp quẻ Sơn ở ngoại quái thì di. Di là thiếu ăn, cần nuôi dưỡng.

Tại sao Lôi gặp Sơn lại di ? Vì ước vọng của Lôi là kiếm được Phong nhưng bỗng gặp Sơn, Lôi là động trong khi Sơn lại đứng yên, không thể gặp nhau được dù hào 1 dương có ứng với hào 4 âm của Sơn. Do đó, không sinh lợi lộc gì. Đi kiếm việc không được hay đi buôn lỗ vốn, hào 2 của quẻ Lôi mong được ứng với hào 5 được để có lợi lộc, nhưng Sơn không có hào 5 dương, chỉ có hào 5 âm mà thôi.

Không có lợi lộc, không có lợi tức thì là thiếu ăn, vì thiếu ăn mới cần “nuôi ăn”. Thoán từ của quẻ Sơn lôi di: “Di: Trinh cát. Quan di, tự cầu khẩu thực” (Nuôi: hãy đúng chính đạo thì tốt. Xem cách nuôi người mà tự nuôi mình).

8- Dương kiếm âm và có sự ứng hợp của 3 hào.

Thí dụ:

- Quẻ Địa thiên thái

Thiên hay Càn (☰) đi kiếm Địa hay Khôn (☷) và đã gặp được Địa nên có tên là Địa thiên thái. (☶)

Tại sao Thiên gặp Địa lại Thái, vì cả 3 hào dương của thiên đều ứng với 3 hào âm của Địa. Ba hào dương của thiên đại diện cho tam tài thiên địa nhân. Dương đã gặp 3 hào âm của Địa đại diện cho tam tài thiên địa nhân, âm nên thái : Thái ở đây là THÁI HÒA, HÒA LỚN chứ không phải lớn: hòa trời (hào 3 và hào 6), hòa đất (hào 1 và hào 4), hòa người (hào 2 và hào 5).

9- Dương đi kiếm âm lại gặp dương.

Thí dụ: Quẻ Lôi thiên đại tráng (☳)

Càn (☰) không gặp Khôn mà lại gặp Lôi (☳) chỉ có 2 hào ứng.

Tại sao Thiên gặp Lôi lại có tên là Đại tráng ?

Vẫn theo Đạo Dịch, tức đạo âm dương hòa, dương đi kiếm âm. Hào 1 dương của quẻ Càn đi ra ngoài quái để kiếm 1 hào âm ở hào 4 ngoài quái nhưng không gặp âm, lại gặp hào 4 dương nên xảy ra xung đột

lớn. Nhưng vì hào 1 là một thành phần của một khối sắt thép gồm 3 hào dương của quẻ Càn đoàn kết chặt chẽ nên Lôi là sấm sét đùng vào sắt thép thì chỉ có thua thôi, còn sắt thép thì không sao hết. Vì hào 1 thắng hào 4 của quẻ Lôi, tiếng vang vọng khắp nơi nên có tên ĐẠI TRÁNG. Đại Tráng là lớn mạnh, thắng lớn vang vọng. Đại tráng được ví như con đại bàng đậu trên đỉnh núi.

Khi quân Mông Cổ sang xâm chiếm nước ta vào thế kỷ XIII, Đức Trần Hưng Đạo muốn hỏi xem quân ta có thể thắng được quân Mông Cổ không ? Ông xỏ được quẻ là Lôi Thiên Đại Tráng động hào 4. Đức Trần Hưng Đạo là một cư sĩ Phật giáo, một trí thức lớn của Việt Nam thời đó, thông hiểu Kinh dịch nên đã hiểu thông điệp của quẻ Lôi thiên đại tráng (䷗). Nội quái Càn (䷀) đại diện cho quân dân ta, ngoại quái Lôi (䷂) đại diện cho quân Mông Cổ.

Quân Mông Cổ tấn công nước ta như sấm, như sét, vang dội khắp nơi, nhưng đã đùng vào một dân tộc đoàn kết thành một khối rắn chắc như sắt thép đại diện bằng 3 hào dương của quẻ Càn. Ngài biết rằng quân dân ta sẽ đại thắng nhưng muốn bảo đảm cho chắc, Ngài đã tổ chức hội nghị Diên Hồng gồm các bô lão đến từ mọi vùng đất nước. Khi các bô lão hô to câu “Quyết chiến” thì đã biến toàn dân toàn quân thành một khối sắt thép. Ngoài ra Ngài đã biến các dân đinh thành dân binh với hai chữ “Thất Đát” trên cánh tay hay trên trán, thì coi như khối sắt thép đã được tôi luyện kỹ càng.

Và cuối cùng, quân ta đã đại thắng quân Mông Cổ, một đoàn quân hung hãn nhất thế giới thời bấy giờ, một đoàn quân chưa bao giờ biết thua là gì, một đoàn quân đã chinh phục hơn một nửa quả địa cầu.

9 Quẻ dịch vừa trình bày ở trên chúng tỏ cho ta thấy rằng: Nhờ Đạo dịch ta có thể lý giải thông suốt mối quan hệ giữa quái từ và quái tượng, tức nhờ Đạo dịch ta nhìn thấy các quái từ đã diễn cái lý lẽ ẩn chứa trong quái tượng.

Thí dụ : Phong Lôi Ích

Thoán từ (tức quái từ) của quẻ Ích, “ích lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên” (tăng thêm lợi ích, tiến lên thì có lợi, qua sông lớn thì dù nguy hiểm cũng vượt khỏi).

Tại sao tên quẻ là Ích và thoán từ tức quái từ lại nói về lợi ích tăng thêm vì Lôi ở nội quái muốn đi kiếm Phong ở ngoại quái để được giao hòa (tức tìm sự ứng hợp của cả 3 hào) và đã được toại nguyện, nên Lôi có hào dương một đại diện cho tài địa, tài địa là vật chất, lợi lộc. Sự ước vọng về vật chất được toại nguyện nên phải là ích lợi tăng thêm.

Đây là một đột phá vô cùng lớn lao. Suốt hai ngàn năm qua tại đất Trung Quốc đã có cả trăm học giả Trung Quốc nổi tiếng, kể cả Trinh Di, Vương Bật, Ngu Phiên mỗi người đề ra một phương pháp riêng nhưng chưa có người nói đến Đạo Dịch có liên hệ tới quái hào từ và quái hào tượng. Nhờ khám phá này chúng ta có thể hiểu Kinh dịch, tìm ra được những ý nghĩa thâm sâu của Kinh dịch, nhờ ánh sáng của ngọn đuốc Đạo dịch và Lý thái cực. Hiểu ý nghĩa quái từ và quái tượng chưa đủ chúng ta cần phải tìm hiểu Đạo dịch và Lý thái cực liên hệ thế nào với các hào của quẻ.

B- ĐẠO DỊCH VÀ LÝ THÁI CỰC LIÊN HỆ TỚI Ý NGHĨA CÁC HÀO CỦA QUẺ DỊCH.

Khi chúng ta có một quẻ và chúng ta đã thấu đáo ý nghĩa của quẻ dịch rồi thì công việc kế tiếp là phải tìm hiểu hào động.

Nếu ta không biết hào nào động thì quẻ dịch đó không giúp gì cho ta cả.

Một quẻ dịch chỉ cho ta biết ta ở hoàn cảnh nào, không cho ta biết đường hướng biến chuyển đi về đâu và ta phải hành động như thế nào. Các hào sẽ cho ta biết vấn đề của chúng ta ở chỗ nào và cho ta biết đường hướng hành động để giải quyết vấn đề.

Thí dụ trong trường hợp hỏi về công việc làm ăn ta xỏ được quẻ Phong lôi ích, quẻ Ích chỉ có nghĩa là làm ăn có lời nhưng không cho biết ta sẽ lời đến bao giờ, có vấn đề gì không. Nếu động hào 6 thì ta nên chuẩn bị kiếm một nghề khác thì hơn vì đã hết thời buôn bán có lời rồi. Nhưng nếu động hào 2 thì ta nên chuẩn bị xem xét để hành động hầu có thể thu được nhiều lợi lộc sắp tới.

Sau đây chúng ta sẽ xem xét nghiên cứu ý nghĩa các hào trong quẻ và những yếu tố ảnh hưởng đến các hào. Muốn tìm kiếm sự liên hệ giữa các hào tượng và hào từ, muốn kiếm các hào từ ý nghĩa của nó là phải tìm hiểu những điều sau đây:

1- Tính chất của hào

- Hào đó là âm (— —) hay dương (—).

- Hào đó thuộc tinh thần hay vật chất, hay cả hai. Muốn biết điều này phải hiểu triết lý tam tài thiên địa nhân và phải biết nguồn gốc hào đó sinh ra từ đâu.

Thí dụ : quẻ là do Khôn lấy một hào đầu của Càn, theo triết lý tam tài thì hào đầu của Càn là thuộc tài địa, thuộc vật chất. Vậy hào quẻ Lôi thuộc vật chất.

2- Ngôi vị của hào.

Dịch lý luôn luôn nói về thời không. Ngôi vị là không gian. Một hiện tượng xảy ra ở đâu, nơi đó có đúng vị không ? Hào dương mà ở ngôi âm thì không đúng vị tức không chánh vị.

Cũng như vũ trụ vạn vật biến dịch không ngừng, không ai đoán định được, 6 hào trong một quẻ cũng biến dịch không ngừng không ai đoán định được, nhưng có 1 điều không bao giờ thay đổi là đạo âm dương hòa, tức đạo dịch : dương luôn tìm về với âm, âm luôn luôn kiếm đường về với dương. Thế cho nên ta phải định vị các hào từ hào 1 tới hào 6, để các hào biết đường về với người đối “ngẫu” của mình.

Quẻ ký tế được chọn để làm mẫu hình căn bản để định vị âm dương trong 1 quẻ dịch

— —
— —
— —
— —
— —

Hào 1 : dương vị

Hào 2 : âm vị

Hào 3 : dương vị

Hào 4 : âm vị

Hào 5 : dương vị

Hào 6 : âm vị.

Như vậy hào 1 về với hào 4 (dương về với âm)

Hào 5 về với hào 2 (dương về với âm)

Lý do chọn quẻ ký tế làm mẫu hình để định vị các hào vì quẻ ký tế là quẻ cuối của quyển Kinh dịch diễn tả sự hoàn thành của sự biến dịch.

Hào dương ở dương vị thì được chánh vị.

Hào dương ở âm vị thì không có chánh vị.

Hào âm ở âm vị thì được chánh vị, hào âm ở dương vị thì không có chánh vị.

Chánh vị thì tốt. Không chánh vị thì thường không tốt.

3- Thời

Một hiện tượng luôn phải xảy ra vào một thời gian nào đó đưa trẻ sinh ra nếu không có một thời gian, một giờ, một ngày, một năm, thì không hiện diện trên cõi đời, nên **thời** là một yếu tố cốt lõi trong Dịch học.

Hào nào cũng có thời, hào 1 và hào 4 là thời Sơ. Hào 2 và hào 5 là thời trung. Hào 3 và hào 6 là thời Mạt. Về ý nghĩa thời xấu tốt:

– **Thời Sơ** : Hào sơ và hào 4 khó biết: xấu-tốt tùy quẻ xấu hay quẻ tốt.

– **Thời Mạt** : hào 3 và hào 6 dễ biết vì hào 3 và hào 6 phần lớn đều xấu, nhưng hào 6 ở nhiều quẻ không xấu như hào 6 ở nhiều quẻ không xấu, như hào 6 của quẻ Bĩ hào 6 của quẻ Di, v.v...

– **Thời Trung** : hào 2 và hào 5 ở thời trung thường thường là tốt. Cần phải giải thích tại sao hào 2 và hào 5 ở thời trung thường là tốt.

Thời trung không phải thời ở giữa, tuy hào 2 và hào 5 là ở giữa nội quái và ngoại quái nhưng nó hàm một ý nghĩa rất đặc biệt: Thời trung là thời mà âm gặp dương, thời âm dương hòa, ta có thể lấy cái ý nghĩa của tài nhân ở giữa tài thiên và tài địa trong cơ cấu tam tài thiên địa nhân, tài nhân chính là tài âm gặp dương, tức âm dương hòa.

Âm gặp dương, dương gặp âm, là lúc đạt được mục đích, thế cho nên hào 2 và hào 5 thường là tốt.

Để làm sáng tỏ điều này chúng ta có thể lấy trường hợp của Khương Tử Nha. Khương Tử Nha rất uyên thâm về dịch lý, biết rằng mình chưa tới thời nên về ẩn dật ở gần sông Vị, suốt ngày chỉ đi câu cá và ra chợ đoán dịch để lấy tiền sinh sống chờ thời. Ông rất tự tin về tài đoán dịch của mình nên ông trưng một tấm bảng nhỏ trước gian hàng của mình ở chợ, quảng cáo như sau: “Không đoán trúng, không lấy tiền”. Ông chỉ làm nghề bói dịch để sống qua ngày, cho đến một hôm vua Văn Vương tới mời ông về cung để làm tể tướng, lúc đó ông đã hơn 80 tuổi, ông giúp Văn Vương và Võ Vương thắng được quân nhà Thương và lập nên triều đại nhà Chu 800 năm.

Lúc Văn Vương tới mời Khương Tử Nha về làm tể tướng là lúc gọi là thời trung, thời dương gặp âm, thời mà Văn Vương gặp Khương Tử Nha.

Hào 2 và hào 5 do đó phần lớn là hào tốt.

Để có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của các hào, chúng ta sẽ khảo sát các hào động của các quẻ tiêu biểu dưới đây:

1- Các hào của quẻ Phong lôi ích (☳☳)

Chúng ta hãy xét 6 hào động của quẻ Phong lôi ích

– **Động hào 1** : Hào 1 là hào dương cư dương vị, có chánh vị.

Nhưng hào 1 ở vào thời Sơ, mới bắt đầu, muốn biết thêm chi tiết về hào 1 ta phải hiểu hào 1 đại diện cho vật chất (như đã giải thích ở trên).

Hào 1 có ứng với hào 4 ngoại quái nên việc tiêu tiền đem lại kết quả. Như vậy quẻ ích động hào 1 chỉ có nghĩa là đã đầu tư đúng mức. Thí dụ như mua hàng đúng nhu cầu, chi vẽ quảng cáo có hiệu quả.

– **Động hào 2** : Hào 2 ở ngôi âm là có chánh vị.

– **Hào 2** ở thời trung như vậy được đúng thời mà khách hàng tới mua hàng nhiều, như đã trình bày ở trên, thời trung là thời âm dương gặp nhau, lúc này cần phải hành động để gặt hái được kết quả tối đa như quảng cáo nhiều hơn nữa, mua đúng món hàng mà khách hàng đòi hỏi, để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra hào 2 âm có sự ứng hợp của hào 5 dương, nên có sự hỗ trợ của hào 5 dương, lợi lộc vật chất sẽ tới đều đều, hào 5 dương cho biết tiềm năng lớn đang chờ đợi.

– **Động hào 3** :

- Hào âm 3 ở ngôi dương nên không chánh vị.

- Hào âm 3 ở thời Mạt của nội quái nên tiềm năng không còn, ngoài ra hào 3 âm ở ngôi dương, có nghĩa là người không có khả năng làm ăn mà lại đi kinh doanh. Ngoài ra lại ứng với hào 6 dương, hào 6 dương chẳng có giúp được gì vì hào 6 dương cũng ở thời Mạt. Do đó động hào 3 xấu

– **Động hào 4** :

- Hào 4 là hào âm cư âm vị, là chánh vị.

- Hào 4 âm ứng với hào 1 dương nên làm có sinh lời nhưng còn ở thời Sơ nên lợi lộc không nhiều nên phải dựa vào hào 5, hào 5 là hào có tiền có của thì sẽ khá.

- Động hào 5 :

- Hào 5 là hào dương cư dương vị, là chánh vị.

- Hào 5 là hào dương ở thời Trung. Hào 5 ở vị thể trung chánh. Lại có hào 2 ứng hợp, nên mọi hoạt động thường mãi đều thuận lợi, nhưng các lợi lộc phần lớn là lợi lộc về tinh thần, nhưng đó là điều mà người này mong muốn, lợi lộc về vật chất sẽ tới sau này.

- Động hào 6 :

- Hào 6 là hào dương cư âm vị, không chánh vị.

- Hào 6 ở vào thời Mạt nên làm ăn đã hết thời.

Hào 6 không chánh vị lại vào thời Mạt, làm ăn không có lời nữa, nên có kế hoạch tìm một nghề khác.

Sự phân tích trên cho thấy hào 3 và hào 6 không được tốt. Các hào 2 và 5 được rất tốt, hào 1 và 4 không xấu, không tốt.

Để biết thêm chi tiết về ý nghĩa của hào động, chúng ta xét các hào 2 và 5 của các quẻ xấu, tốt sau đây :

2- Quẻ Lôi thủy giải động hào 2

— —
— —
— —
— —

Nội quái là quẻ Thủy, quẻ Thủy có một hào dương ở giữa 2 hào âm vậy chung quanh, Thủy là hãm, hào dương ở tình trạng bị giam hãm, gian nguy nay gặp Lôi là sấm động làm tan biến đi những khí u uất, cho nên quẻ có tên là Giải.

Hào từ của hào cửu nhị “Cửu nhị: Điều hoạch tam hồ, đắc hoàng thi, trinh cát” (hào chín 2: săn được 2 con cáo, được tên vàng, chính bền thì tốt).

Động hào 2 thì tốt nhất. Thủy chỉ có thể được giải thoát khỏi 2 hào âm bằng Lôi ở ngoại quái thôi. Đó là cách duy nhất, chỉ động hào 2 thì mới được giải thoát hoàn toàn, nên hào từ nói đi săn bắt được 2 con cáo lại được tên vàng, có nghĩa là cuộc chiến, cuộc cách mạng giải thoát được thành quả vật chất to lớn.

3- Quẻ Thiên thủy tụng động hào 5



Thủy (☵) ở nội quái bị Càn (☰) ở ngoại quái đàn áp nên Thủy kiện Càn, do đó quẻ có tên là Tụng. Tụng là kiện tụng, tranh chấp.

Động hào nào cũng xấu, nhưng động hào 5 thì tốt vì lý do là gặp được ông quan tòa biết lẽ phải và xử kiện công bằng (tức là âm gặp dương) nên thắng kiện. Điều này chứng tỏ Đạo dịch được áp dụng tại hào 5, tức là hào có trung thời hay hào có âm gặp được dương.

Hào từ của hào cửu ngũ :

“Cửu ngũ : tụng, nguyên cát”. (Hào chín 5: xử kiện, hay kiện đều rất tốt lành”

4- Quẻ Hỏa trạch khuê động hào 5



Quẻ Khuê là một trong những quẻ xấu nhất trong các quẻ nhưng động hào 5 lại không xấu :

Lời hào từ của hào lục ngũ của quẻ Khuê :

“Hồi vong, quyết tòng phệ phu, vãng hà cứu” (ăn năn tiêu mất, họ hàng của mình cần da (giúp đỡ tận tình) tiến lên làm sao mà có họa).

Hào 5 âm (lục ngũ) ở vị trí trung thời, không chánh vị, nhưng vẫn không xấu, vì vậy trung thời là rất quan trọng.

5- Quẻ Địa lôi phục động hào 2



Hào 2 là âm cư âm vị, lại có trung thời, và sát với hào một dương. Nên rất tốt. Trong thời Phục, hào từ của hào 2 âm : “Lục nhị : hưu phục cát” (hào sáu hai: đẹp sự trở lại, tốt)

Hào 2 âm ở bên cạnh hào 1 dương nên làm cho sự trở lại được thêm tốt đẹp, tốt đẹp ở đây có thể về vật chất, tức làm ăn có tiến bộ.

Như trên đã trình bày, Đạo dịch đã làm nên ý nghĩa của quẻ, làm cho rõ sự quan hệ giữa quẻ (tức quái tượng) và quái từ người ta có thể hiểu quái tượng hay quẻ qua các lời thoán từ (hay các quái từ) và cũng nhờ Đạo dịch, Lý thái cực và các yếu tố thời không người ta có thể hiểu được các hào tượng qua các hào từ.

Tóm lại nhờ Đạo dịch và Lý thái cực ta có thể hiểu được những ý nghĩa uyên áo của Kinh dịch qua quái hào tượng và quái hào từ.

Trước khi trình bày các lợi ích của Đạo dịch và Kinh dịch, chúng tôi sẽ trình bày trong quá khứ các học giả Trung Quốc đã giải thích các quẻ dịch như thế nào và lý do tại sao Kinh dịch vẫn còn là một quyển kinh khó hiểu và đầy vẻ thần bí.

IV- Tại sao Kinh dịch vẫn còn là 1 quyển kinh khó hiểu và đầy vẻ thần bí ?

Như đã nói ở phần trên Kinh dịch được ví như là một lâu đài thần bí, chỉ có một số rất ít người vào được tòa lâu đài này bằng cửa chính vì họ có cái chìa khóa của lâu đài và họ có cái bản đồ dẫn tới các kho tàng quý báu chứa trong các quẻ dịch. Đó là Lý thái cực và Đạo dịch.



Còn phần lớn đi vào lâu đài này bằng cửa hậu. Vì họ không có chìa khóa của lâu đài và cũng không có tấm bản đồ chỉ đường.

Kinh dịch như đã trình bày đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử Đông Á, đã có người thông hiểu Kinh dịch và đã đóng những vai trò quan trọng trong việc hình thành văn hóa Đông Á như Khổng Tử, Lão Tử : những vị như Khổng Minh, Trạng Trình, Nguyễn Bình Khiêm, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi phải là những người biết sử dụng chìa khóa vào được tòa lâu đài đó và có bản đồ của tòa lâu đài nên đã lập được nhiều công trình cho đất nước.


Có thể những triết gia tiền Tần có nhiều người thông hiểu Kinh dịch. Nhưng từ đời Hán về sau người thông hiểu Kinh dịch không có nhiều. Trong hơn 2000 năm kể từ đời Hán có cả trăm cuốn sách giải kinh ; các tác giả mỗi người có một cách giải thích Kinh dịch khác nhau. Không có ai lý giải cho thông suốt sự liên hệ giữa quái hào tương và quái hào từ. Có người đã đem hết cuộc đời để đi kiếm cái lý nối kết giữa quái hào tương với quái hào từ nhưng đã thất bại.

Các phái giải kinh mâu thuẫn, xung đột với nhau đã tạo ra các phái dịch học. Theo Chu Bá Ôn trong cuốn Dịch học toàn tập thì có 3 phái chánh và nhiều phái phụ. 3 phái này chủ trương 3 thuyết khác nhau.

a) Thuyết quái biến của Ngu Phiên.

Ngu Phiên thuộc phái tượng số học đời Hán đề xuất nhiều phương án giải kinh, trong đó có thuyết Quái biến. Ông cho rằng ý nghĩa của quẻ dịch có thể suy ra từ quái biến. Thí dụ : quẻ Phục () và quẻ Lâm () là quái biến từ Khôn mà ra, ý nghĩa của quẻ Phục có thể suy ra từ quẻ Khôn, quẻ Lâm có thể suy ra từ quẻ Phục.

b) Thuyết chọn một hào làm chủ của Vương Bật.

Vương Bật là một học giả uyên bác đã làm một cuộc cách mạng để loại bỏ các thuyết của phái Tượng số học của triều Hán trong việc giải thích Kinh dịch. Ông chủ trương phải giải dịch bằng ý nghĩa của quái hào từ. Ông kiểm sự liên hệ giữa quái hào từ và quái hào tương nhưng chỉ chú trọng tới hào tương. Ông cho rằng mỗi quẻ có một hào chính, hào này sẽ quyết định ý nghĩa của cả một quẻ. Thí dụ: Quẻ Thiên trạch lý () hào 3 là chủ quẻ vì quái từ và hào từ đều có câu “Lý hồ vĩ” (giẫm phải đuôi hồ).

Ông còn lấy hào 2 và hào 5 làm chủ quẻ.

Ngoài ra ông còn cho rằng nếu một quẻ có 5 hào âm thì một hào dương làm chủ quẻ, nếu một quẻ có năm hào dương thì một hào âm làm chủ quẻ. Ý nghĩa của quẻ có thể suy ra từ hào chủ.

c) Thuyết tùy thời chọn nghĩa của Trinh Di.

Trình Di là một nhà Dịch học nổi tiếng. Ông bị ảnh hưởng rất nhiều bởi thuyết của Vương Bật nhưng thấy thuyết của Vương không giải thích được tất cả các quẻ. Ông nhận thấy rằng kinh truyện của Kinh dịch giải thích về cát-hung của quái hào từ không theo một qui tắc nhất định. Lúc thì giải thích thế này, lúc thì giải thích thế khác : Ông cho đó là tùy thời chọn nghĩa. Thí dụ hào từ của hào 1 của quẻ Thái (☰☷) và quẻ Bĩ (☷☰) đều có câu “nhỏ cỏ tranh để thành đồng”, song một quẻ là chính cát, một quẻ lại là trinh cát hanh”, chúng sở dĩ chọn nghĩa như vậy vì thời của chúng khác nhau một thuộc về thời Thái, một thuộc về thời Bĩ.

Tóm lại trong suốt 2000 năm qua, không có sách vở nào nói Lý thái cực và Đạo dịch đã tạo ra Kinh dịch ;

Vương Bật đi đúng đường là đã vứt bỏ thuyết quái biến của Ngu Phiên để giải dịch bằng nghĩa lý. Đi kiếm sự liên hệ giữa quái hào tương và quái hào từ, nhưng ông chỉ đi được một đoạn đường và sau đó đã lạc đường. Vì ông không biết dùng chìa khóa để mở cửa chính của tòa lâu đài thần bí (tức Kinh dịch) và cũng không biết sử dụng bản đồ của tòa lâu đài này.

Đó là lý do tại sao đến nay Kinh dịch vẫn ở tình trạng khó hiểu và có vẻ thần bí.

V- Công dụng của Đạo Dịch và Kinh Dịch.

Kinh Dịch được cấu tạo bằng Đạo Dịch. Mỗi quẻ Dịch là một biểu hiện của từng giai đoạn của Đạo Dịch. Mỗi quẻ đều có sự hiện diện của yếu tố âm dương thuộc bát quái, các quẻ đơn thuộc bát quái

gặp nhau tại một quẻ kép thuộc 64 quẻ dịch của kinh Dịch, trên bước đường đi về Thái Cực.

Một quẻ Dịch tức quẻ kép luôn luôn gồm một quẻ đơn tại nội quái và một quẻ đơn khác ở ngoại quái.

Một quẻ Dịch đại diện cho một hoàn cảnh, một hiện tượng một biến cố. Hiện tượng đó xảy ra do một quái dương đi kiếm một quái âm, hay một quái âm kiếm một quái dương. Ý nghĩa của một quẻ Dịch tùy theo nội quái là quái gì và ngoại quái là quái gì, nếu nội quái dương gặp ngoại quái âm thì quẻ có ý nghĩa tốt, thuận lợi, nếu nội quái dương gặp ngoại quái dương thì ý nghĩa của quẻ sẽ không tốt, không thuận lợi.

Do đó quyển Kinh Dịch đã được diễn tả có lý có lẽ, lý lẽ là lý lẽ Âm Dương Hòa hay còn gọi là Lý Thái Cực.

Với ánh sáng của Đạo Dịch, Kinh Dịch đã trở nên một quyển Minh Triết không những giúp ta nhận thức được Thiên Lý, Luật Trời, mà còn giúp ta hiểu vấn đề của chúng ta và khi đọc hiểu được vấn đề thì phương pháp giải quyết vấn đề sẽ được tìm ra một cách dễ dàng.

Có 3 công dụng của Đạo Dịch và Kinh Dịch:

- a. Kinh Dịch là một quyển Minh Triết; nhờ ánh sáng của Đạo Dịch trong Kinh Dịch chúng ta hiểu được Thiên Đạo, áp dụng Thiên Đạo vào đời sống con người thì sẽ đạt được hạnh phúc viên mãn.
- b. Nhờ Đạo Dịch ta mới nhận biết được biến dịch của từng hoàn cảnh, từng biến cố qua các quẻ Dịch và để sẵn sàng và chuẩn bị cho những thay đổi trong tương lai.

- c. Nhờ ánh sáng của Đạo Dịch, mỗi quẻ Dịch cho ta biết ta ở hoàn cảnh nào và các hào động cho ta biết chiều hướng hành xử để đạt kết quả tối đa.

Với ánh sáng của Đạo Dịch, ta có thể chiêm nghiệm chính xác những vấn đề của chúng ta, do đó có thể giải quyết các vấn đề của chúng ta một cách có hiệu quả.

1. Đạo Dịch giúp giải quyết các vấn đề của đời sống chúng ta

- Kinh Dịch có 64 quẻ Dịch. 64 quẻ Dịch là 64 phương pháp để giải quyết vấn đề của chúng ta; mỗi quẻ Dịch có 6 hào, đại diện cho 6 cách thức hay chiều hướng giải quyết vấn đề.

- Một quẻ Dịch chỉ cho ta biết ta ở vào thời tốt hay thời xấu, thời hên, thời xui, có 64 thời hay hoàn cảnh khác nhau, nếu không có hào động thì ta không thể biết được chiều hướng biến chuyển của hoàn cảnh. Vì vậy nếu không có hào động thì không chiêm được.

- Một quẻ Dịch với các hào động chúng ta có thể biết chiều hướng biến chuyển của hoàn cảnh một cách rất chính xác.

Chúng tôi đã trình bày vai trò của Đạo Dịch trong việc làm rõ ý nghĩa của quẻ Dịch; dưới đây chúng tôi sẽ đem những điều chiêm nghiệm của cá nhân người viết và các quẻ Dịch đã được chứng nghiệm trong lịch sử để làm rõ vai trò của Đạo Dịch trong việc giải thích Kinh Dịch.

1.1. Quẻ địa lôi phục động hào hai

Năm 1995, tôi có một người bạn dự định bỏ nghề làm công nhân trong nhà máy chuyển sang nghề buôn bán; vốn liếng để dành được 30.000 úc kim dự định mua một tiệm hoa (florist), tôi hỏi tôi xin xỏ một quẻ Dịch, người chồng xỏ được quẻ địa lôi phục động hào 2 (hào thứ 2 kể từ dưới lên trên). Quẻ có nghĩa chuyển sang nghề mới rất tốt, nghề mới đáp ứng nhu cầu của người mua, tiền lời tăng từ từ càng ngày càng lớn.

Người bạn tôi nghe theo quẻ Dịch và quyết định mua cửa tiệm florist đó và quẻ Dịch đã ứng. Anh ấy đã trở nên triệu phú với 3 căn nhà sau 20 năm buôn bán.

Giải thích:

Quẻ phục chỉ có nghĩa là bắt đầu lại, trong trường hợp này là bắt đầu buôn bán thay vì đi làm công nhân. Hào động là quan trọng.

Động hào 2 là hào có:

- Thời trung: Thời có nhiều khách có nhu cầu mua hoa ở địa phương.
- Hào hai là hào âm Chánh vị - ở gần chợ.
- Hào hai âm cạnh hào dương một, tức có khách hàng cũ nhiều (Good will), tức là tiệm có đầy đủ yếu tố để sinh lời.

Nếu động hào 3, 4, 6 thì không có 3 yếu tố trên, không có thời trung không gần hào dương và không thể giàu được.

1.2. Sơn lôi di động hào 3.

Năm 2005, có một bà khoảng 40 tuổi tới tôi xin xỏ một quẻ, xem về tình duyên. Bà ấy xỏ ra quẻ Sơn lô di động hào 3 (hào thứ 3 kể từ dưới lên trên). Quẻ này có nghĩa là đối ăn về tinh thần, động hào 3 là ứng về tinh thần. Tôi nói với bà ấy rằng: “Hình như bà nhớ ông ấy quá nên bà định có liên hệ với một người khác nhưng kết quả không đi tới đâu, sẽ có một hậu quả tai hại”.

Bà ấy vô cùng ngạc nhiên hỏi tôi tại sao tôi biết bà ấy có chồng rồi và bà không cần tôi trả lời, bà ấy liền nói thật rằng bà ấy có 2 người đàn ông muốn lấy bà ấy. Bà sang đây được 2 năm, chồng bà ấy bị kẹt ở Việt Nam không sang được.

Rồi một năm sau bà nói với tôi rằng nhờ quẻ Dịch bà ấy từ chối hai người đàn ông để chờ ông ấy sang và nay họ sống với nhau rất hạnh phúc.


Giải thích: Lô di (☶☶) nội quái đi kiếm Phong (☴☴) ở ngoại quái, không gặp Phong (☴☴) lại gặp Sơn (☶☶) vì Lô thi động mà Sơn thì đứng yên nên không gặp được. Ngoài ra, Sơn không có hào 5 dương nên Sơn lô di, di là đối ăn, trường hợp này là đối về tinh thần.

- Hào 3 là hào đại diện tinh thần (thuộc tài thiên)
 - Quẻ Sơn lô di có nghĩa đối ăn.
 - Động hào 3 – Hào 3
 - + Không có trung thời
 - + Không chánh vị (hào âm của dương vị).

Vì vậy rất xấu. Nếu bà ấy lấy 1 trong hai người đó thì chồng bà ấy sang sẽ bỏ bà ấy và ông chồng mới này là người như thế nào: cho biết ông này có thể đã có vợ rồi.

1.3. Địa trạch lâm động hào 6

Cách đây 10 năm, có một người bạn tới tôi hỏi về gia đạo. Anh nói bà xã anh đòi ly dị và bỏ nhà đi về nhà bố mẹ.

Anh ấy xổ ra quẻ địa trạch lâm động hào 6 (). Địa trạch lâm động hào 6 có nghĩa là sẽ trở lại để có một gia đình dù không được yêu.



Tôi nói với ông bạn rằng:


“Bà ấy sẽ trở về nhà nhưng để có một gia đình hạnh phúc thì ông phải tìm mọi cách để tỏ tình với bà ấy, thí dụ như:

- Tặng quà nhân dịp sinh nhật, tết,...
- Nói anh yêu em mỗi khi có dịp thuận tiện.
- Thỉnh thoảng chở bà ấy đi du lịch với ông.
- Mua thuốc bổ để uống hầu tăng cường sinh lực để phục vụ bà ấy tốt hơn”.

Ông này yêu vợ nên làm đúng lời tôi nói và đã lâu lắm rồi không thấy ông bạn tôi hỏi về gia đạo nữa.

Giải thích:

Theo Đạo Dịch quẻ trạch  có hào 3 âm đi kiếm hào 6 dương nhưng không gặp, lại gặp hào 6 âm của ngoại quái “địa”  nên tuy

quẻ lâm  là tới nhưng không được thỏa mãn về tình cảm. Ngoài ra hào 6 là hào không có thời trung, tuy rằng có chánh vị hào âm của âm vị và là hào về tình cảm.

Vì ông bạn tôi đã chứng tỏ là ông có tình yêu với bà vợ thì ước vọng của bà vợ thỏa mãn và do đó gia đình hạnh phúc.

1.4. Địa Thiên Thái động hào 4

Theo Đạo Dịch Thiên (càn) nội quái kiếm khôn (địa) ở ngoài quái nay đã gặp khôn (địa) nên được thái hòa, tức thỏa mãn tối đa.

Cách đây 5 năm, năm 2009 có một ông bạn tới hỏi tôi xem ông ấy có giải quyết được vấn đề không. Vấn đề của ông ấy là ông mở một tiệm sửa xe, vì mới mở được có một năm, khách hàng ít nên không đủ tiền trả chi phí, đã chịu tiền nhà 3 tháng chưa trả. Ông chủ nhà liền nhờ luật sư viết thư đuổi ông bạn tôi ra khỏi tiệm trong vòng một tuần lễ.

Ông bạn tôi tới tôi để hỏi Dịch. Ông xỏ ra được quẻ Địa Thiên Thái động hào 4. Tôi nói với ông rằng không sao đâu, ông sẽ được ở lại, ông bạn tôi cười lớn: “chắc Dịch của ông kỳ này sai rồi”.

Vừa nói vừa đưa cho tôi lá thư của luật sư yêu cầu ông ra khỏi cửa tiệm trong vòng một tuần lễ. Tôi cũng im lặng và nghĩ rằng có thể Dịch sai rồi.

Nhưng ngay ngày hôm sau, ông bạn tôi đã điện thoại cho tôi nói là Dịch đúng, ông được ông chủ nhà cho ở lại rồi.

Lý do là ông bạn tôi có cô bạn gái giàu có, đến ông chủ nhà xin trả hết 3 tháng tiền nhà và bảo đảm sẽ trả tiền nhà thay cho ông bạn tôi.

Giải thích:

Quẻ thái là quẻ mà thiên (càn) đi kiếm khôn (địa) ở ngoại quái đã gặp nên quẻ có tên là thái, thái là thái hòa hay là thỏa mãn tối đa.

Ngoài ra hào 4 là hào có chánh vị lại là hào đại diện cho vật chất nên có sự thỏa mãn về vật chất, tức là có người trả tiền thay mình.

Đó là 5 quẻ cho chính tác giả đã chiêm nghiệm. Và dưới đây là 3 quẻ có tính cách lịch sử.

1.5. Lôi Địa Dự động hào 4.

Nguyễn Trãi là một tiến sĩ thời nhà Trần, rất uyên thâm về Dịch lý.

Khi Nguyễn Trãi theo Lê Lợi khởi nghĩa để chống với quân nhà Minh đã xâm chiếm nước ta. Ông hỏi Dịch xem quân ta có thắng được quân Minh không. Ông xỏ được quẻ Lôi Địa Dự động hào 4.

Ông hiểu được thông điệp của quẻ dự. Dự có nghĩa là vui mừng: Dân vui mừng nghe tin Lê Lợi khởi nghĩa để cả nước đều biết đến cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ xướng. Ông cho người lên rừng lấy mỡ heo vẽ trên các lá cây câu “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thân”.

Kiến đã ăn mỡ và đục thành chữ “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*”, lá cây theo nước khe suối chảy vô mọi vùng thuộc đồng bằng sông Hồng.

Mọi người đều nô nức tìm về với quân kháng chiến và do đó quân ta đủ mạnh để đuổi quân Minh về nước sau 10 năm kháng chiến.

Giải thích:

Quẻ Lôi Địa Dữ (☳☷) có dân là quẻ khôn (địa) nội quái được vui mừng vì tiếng sấm sét ở ngoại quái.

Động hào 4 – có nghĩa là dân nghe danh tài của Nguyễn Trãi nên mọi người đều hưng phấn về phục vụ quân kháng chiến.

Nguyễn Trãi đã hiểu quẻ Lôi Địa Dữ và đã hành xử đúng như quẻ Dịch đã cho biết.

1.6. Quẻ Địa Thủy Sư ☷☵ động hào 2

Quẻ Sư là quẻ liên hệ tới kế hoạch quốc phòng.

Quẻ Sư có tướng là quân đội, muôn người phục tùng một người, vì có 5 hào âm đều hướng về một hào hai.

Quẻ Sư hướng dẫn ta lập một kế hoạch quốc phòng có hiệu quả, đó là bí mật quốc phòng đã được Đức Trần Hưng Đạo áp dụng để đánh thắng quân Nguyên.

Chúng ta cần nghiên cứu một kế hoạch bảo vệ Tổ quốc trong tình trạng nước ta đang có nguy cơ mất nước.

a. Động hào 2 dương:

Phải có một ông tướng giỏi được toàn quân và toàn dân tin tưởng và nghe theo.

Hào 2 dương ở ngôi âm không chánh vị nhưng có hai yếu tố khác là:

- Thời trung tức được các hào âm nghe theo.
- Hào Dương ở vị âm tức người tài ngôi thấp hơn vua (tức hào 5 âm) nhưng vì là dương nên mọi người phải nghe theo kể cả vua.

b. Toàn dân phải phục tùng lệnh của ông tướng này kể cả vua

Đức Trần Hưng Đạo đã tổ chức Hội nghị Diên Hồng để bảo đảm toàn dân đều đồng ý nghe theo lệnh của Đức Trần Hưng Đạo. Khi các bô lão hô to câu “quyết chiến” thì khối đoàn kết toàn dân và toàn quân đã được bảo đảm đúng với ý nghĩa của quẻ Sư, muôn người như một đều nghe lệnh của một người.

Một yếu tố nữa cũng rất quan trọng đó là biến dân đinh thành dân binh, biến cả nước nghe lệnh một người.

Đức Trần Hưng Đạo rất rành cái bí mật chống ngoại xâm trong quẻ Địa Thủy Sư.

Tuyệt đối không được động cái hào 3 và 5.

- Động Hào 3: Hào 3 là người người phụ tá bất tài (hào âm ở dương vị) ngôi bất chánh lại cưỡi lên dương hai, ảnh hưởng xấu tới hào hai dương, người lãnh đạo cuộc chiến, nên hào tứ nói “đem xe chở thầy” tức thua trận.

- Động Hào 5: Hào 5 là ông vua, vua trong thời chiến không được có ý kiến hay ra lệnh cho ông tướng chỉ huy mặt trận.

Lúc đầu, quân Mông Cổ rất đông, tấn công như vũ bão. Quân đội Đại Việt phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Vua Trần Nhân Tông lo sợ quân dân ta chịu không nổi nên có ý kiến với Tướng Trần Hưng Đạo rằng: “Ta có nên hàng hay không?”. Đức Trần Hưng Đạo trả lời: “Xin Vua hãy chém đầu thần trước khi đầu quân Nguyên”.

Nếu vua cứ một mực xin đầu hàng và cách chức Tướng Trần Hưng Đạo thì lịch sử Đại Việt đã khác rồi.

2. Đạo Dịch và văn hóa Trung Quốc.

Như đã trình bày ở phần đầu của bài này, Đạo Dịch đã là yếu tố căn bản trong việc hình thành quyển Kinh Dịch và Kinh Dịch là cuốn kinh ảnh hưởng vô cùng lớn lao tại Trung Quốc.

Quyển Kinh Dịch chỉ nói về Đạo Dịch tức là Đạo Âm Dương Hòa, 64 quẻ Dịch, quẻ nào cũng nói về Đạo Dịch tức Đạo Âm Dương Hòa. Các quẻ Dịch là những hiện tượng được tạo ra do Đạo đi về: đạo âm về với dương và dương về với âm tại điểm trung hòa. Vì vậy không có một sự việc nào, hiện tượng nào, biến cố nào không bị Đạo Dịch chi phối.

Trong “*Tứ khố toàn thư mục lục*” có nói “Dịch Đạo quảng đại bao gồm cả thiên văn, địa lý, nhạc luật, binh pháp, toán pháp...”.

Thật vậy, Đạo Dịch đã được Khổng Tử và Lão Tử diễn đạt thành các kinh sách như Tứ Thư Ngũ Kinh, Đạo Đức Kinh. Các triết gia Trung Quốc đã hiểu được Đạo Dịch qua các kinh sách của Khổng

Tử, Lão Tử và diễn giải thành các học thuyết khác nhau và làm cho văn hóa và văn minh Trung Quốc sáng chói.

Từ khi Dịch Truyện định nghĩa chữ Đạo “Nhất âm, nhất dương chi vị đạo” (Một âm một dương là đạo trời) thì các triết gia Trung Quốc đã có cơ sở vững chắc để biện minh cho lý thuyết của mình mở ra một chân trời mới, một thời kỳ mới của nền triết học và đạo học Trung Quốc.

Mạnh Tử, Tuân Tử thời tiền Tần và sau này Trình Di, Vương Tông Truyền đời Tống, Bảo Ba đời Nguyên, Vương Dương Minh đời Minh đều coi trọng Đạo Dịch.

Hết thảy đều cho Đạo Dịch là tiền đề của mọi lý luận. Tử Tư cháu Khổng Tử soạn cuốn Trung Dung để lấy Đạo Dịch tức Đạo Âm Dương Hòa (Đạo Âm Dương Hòa cũng được hiểu là đạo Quân Bình) làm cốt lõi cho mọi lý luận của mình.

Khi còn là một thư sinh, Mạnh Tử tới thăm Tử Tư và hỏi Tử Tư “Chánh Tâm là gì?”. Ông đáp: “Vui quá, buồn quá thì tâm không chánh được”. Ông muốn nói về Luật Quân bình; Luật Quân bình là Luật Âm Dương Hòa ông chủ trương Chí Trung Hòa. Chí Trung Hòa trong “Trung Dung” của Tử Tư cũng là Đạo Âm Dương Hòa.

Dù học nói kiểu gì, cách gì thì cũng chỉ là để diễn tả Đạo Dịch hay Đạo Âm Dương Hòa theo lối nhìn của họ mà thôi.

Những quan niệm về tư duy, về bản thể, về giá trị đều bắt nguồn từ Đạo Dịch. Thí dụ về bản thể luận: Chu Hy đời Tống cho âm dương là bản thể cao nhất của Dịch. Kinh Phòng đời Hán cho nhị khí

âm dương là bản thể của Dịch. Trịnh Huyền, Vương Bật thời Ngụy Tấn cho “Vô” là bản thể, vô là Đạo mà Đạo là âm dương hòa.

Trình Di, Chu Hy đời Tống cho Lý là bản thể của Dịch. Lý là Lý của âm dương.

Chu Hy khai triển thêm và cho Lý là Đạo, là Thái Cực. Cuối cùng họ đều nói về Đạo Dịch, tức là Đạo Âm Dương Hòa.

Lục Cửu Uyên đời Tống nói “vũ trụ tức tâm ta, tâm ta tức vũ trụ”. Lý của các quẻ, các hào là lý của Tâm ta, vạn vật đều ở nơi tâm ta. Tâm ta là bản thể của vũ trụ và tâm là nơi âm gặp dương, khi âm gặp dương thì tâm sáng ra. Như vậy cuối cùng Tâm cũng chỉ là âm dương hòa.

Đạo Nho đã truyền bá Đạo Dịch (Đạo Âm Dương Hòa) tạo ra một xã hội hài hòa nhưng từ khi Tần Thủy Hoàng chủ trương tiêu diệt đạo Nho bằng cách đốt hết kinh sách của Nho gia thì văn hóa Trung Quốc đã đi vào một khúc quanh.

Để có thể có một cái nhìn trung thực về văn hóa Trung Quốc, chúng ta phải tìm hiểu xem Nho Giáo Nguyên Thủy do Khổng Tử chủ trương đã bị biến đổi như thế nào.

Nhà Hán đã chọn Nho Giáo làm quốc giáo nhưng đã biến Nho Giáo Nguyên Thủy thành một loại nho giáo giả hiệu - tức là nho giáo mà không phải nho, có người cho đó là “nội pháp ngoại nho”; thực sự đó là một lý thuyết cai trị độc tài, chuyên trị có nhãn hiệu là nho giáo mà người ta thường gọi là Hán nho.

Hán nho đã giúp đế quốc Trung Hoa tồn tại hơn 2000 năm cũng đáng để cho chúng ta tìm hiểu.

Hán Vũ đế đã sai nhóm Lưu Hâm biến đổi Nho Giáo Nguyên Thủy thành Hán nho.

Nhận thấy Pháp Trị do Tần Thủy Hoàng đã thất bại, còn Nho Giáo Nguyên Thủy chủ trương Dân Chủ “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, đó là lời của Mạnh Tử, thì lại chống đối quyền độc tài của Vua.

Nhóm Lưu Hâm đã đem thần quyền vào nho giáo để biến nho giáo thành tôn giáo. Vua cai trị dân bằng một tín ngưỡng, dựa vào lòng tin Thượng Đế có quyền năng tối đa và vua là thiên tử, tức con trời nên cũng có quyền năng thay Trời để cai trị thiên hạ. Ngoài ra, các liên hệ giữa người với người mà Nho Giáo Nguyên Thủy lấy Đạo Âm Dương Hòa làm kim chỉ nam, thì nay phải thay đổi để thực hiện nên cai trị độc tài.

Có hai điều căn bản đã được nhóm Lưu Hâm thay đổi:

1. Nho Giáo Nguyên Thủy coi thiên địa, quỷ thần chỉ là yếu tố âm dương. Thiên là dương, địa là âm, quỷ là âm, thần là dương, nay thiên được biến thành ông trời (thượng đế) thiệt. Thuyết thiên mệnh được nhóm này đề cao đánh vào lòng tin có ông trời có quyền năng tối đa. Ông vua là thiên tử, tức con trời cũng có thể thay trời để làm bất cứ cái gì. Thí dụ như vua có thể có một ngàn vợ và có quyền thiên những thanh niên muốn xin vào làm thái giám.

Vua có quyền giết bất cứ người nào nếu muốn. Như trường hợp Chu Nguyên Chương thời nhà Minh. Chu Nguyên Chương khi đánh đuổi quân Mông Cổ ra khỏi nước Trung Hoa lên làm vua, liền giết hết những quần thần có công nhất để tránh hậu họa. Chỉ vì Chu Nguyên

Chương là một tên vô học sợ rằng những quần thần giỏi hơn mình sẽ tranh quyền với mình.

2) Liên hệ giữa người với người là điều căn bản viết trong Nho Giáo Nguyên Thủy.

Trong Nho Giáo Nguyên Thủy, sự liên hệ giữa người với người theo Đạo Âm Dương Hòa là một liên hệ *hai chiều*:

- Vua hiền, tôi trung.
- Chồng có nghĩa, vợ có tình.
- Cha có từ, con có hiếu.

Nay đổi thành liên hệ *một chiều*:

- Vua đã nói, bề tôi phải nghe, tuyệt đối phục tùng.
- Chồng đã nói thì vợ phải tuyệt đối nghe theo.
- Cha đã nói thì con tuyệt đối phải nghe theo.

Ngoài ra thay Nhân trị bằng Lễ trị.

Các triều đại tại Trung Quốc kể từ đời Hán tới đời Mãn Thanh liên tục cai trị Trung Quốc bằng một tôn giáo là Hán nho, dựa trên thần quyền Thiên Tử. Chẳng khác gì Thiên Chúa giáo cai trị Âu Châu trong 1000 năm thời trung cổ, chỉ có khác là các vị hoàng đế Trung Quốc đã sử dụng nho giáo một cách khéo léo hơn, khôn ngoan hơn nên đã trị vị được 2000 năm thay vì chỉ có 1000 năm.

Cộng sản Trung Quốc đã cai trị Trung Quốc không khác các triều đại Trung Quốc xưa nhưng với một tôn giáo khác không phải nho

giáo mà là chủ nghĩa cộng sản, tuy không còn nhưng văn hóa cộng sản vẫn còn.

1. Đạo Dịch và văn hóa Việt Nam:

Văn hóa Việt Nam là văn hóa Dịch.

Không có một dân tộc nào trên thế gian này có biểu tượng đại diện cho dân tộc mình là Âm Dương (Tiên là Âm, Ròng là Dương). Sự chọn lựa này không phải là một chọn lựa tùy hứng nhưng là một chọn lựa do một triết thuyết sâu xa mà ra, triết lý sâu xa đó được diễn đạt bằng một câu chuyện. Chuyện kể rằng khi Lạc Long Quân phải trở về Thủy phủ đã nói với Âu Cơ rằng “Lạc Long Quân phải về Thủy phủ nhưng bất cứ khi nào cần thì sẽ hẹn nhau ở cánh Đồng Tương”.

Đây là chuyện nói về “Lý Tiên Ròng”, “Lý Tiên Ròng” là gì? “Lý Tiên Ròng” là lý âm về với dương, dương về với âm ở điểm trung hòa là cánh Đồng Tương. Nói theo Dịch đây là chuyện kể về Lý Thái Cực – Lý Thái Cực là gì? Lý Thái Cực là lý âm về với dương và dương về với âm tại điểm trung hòa, điểm trung hòa này là thái cực nên gọi là Lý Thái Cực. Như vậy thì Lý Tiên Ròng chính là Lý Thái Cực. Như vậy, dân tộc Việt Nam đã lấy Lý Thái Cực làm biểu tượng của dân tộc mình.

Lý Thái Cực là cái Lý của Đạo Dịch, Lý của Đạo Âm Dương Hòa.

Như vậy, các vị Tổ của dân tộc này khi chọn Đạo Dịch làm biểu tượng cho dân tộc mình thì chắc chắn phải hiểu ý nghĩa sâu kín của Kinh Dịch và Đạo Dịch. Tôi thấy không ai có thể phản bác được điều này.

Dịch Lý coi thực tại gồm 2 mặt gọi là Thể và Dụng. Trong văn hóa Việt Nam cũng có 2 phần: Thể và Dụng. Hai phần này được thể hiện rất rõ trong văn hóa Việt Nam.

Thể là lý thuyết hay tư tưởng, dụng là những gì đã được thể hiện ra từ những tư tưởng và lý thuyết đó. Tư tưởng gồm những lời nói, biểu tượng, còn Dụng là những thể chế, vật thể, cơ cấu cụ thể.

Để diễn đạt 2 phần Thể-Dụng này của văn hóa Việt Nam thì không ai sánh kịp triết gia Kim Định. Ông nói Đạo Âm Dương Hòa của văn hóa Việt Nam đã thể hiện đầy đủ ở 4 dạng thức khác nhau:

1. Từ
2. Tượng
3. Số
4. Chế

Từ, Tượng, Số là lý thuyết hay tư tưởng, còn Chế là dụng.

Chúng ta hãy xem xét văn hóa Việt Nam qua 4 dạng thức trên.

A. Từ:

Từ là lời nói; các Nho gia khi nói về âm dương hòa thường đề cập tới “Chí Trung Hòa”, còn người bình dân Việt Nam nói về Đạo Âm Dương Hòa bằng một kho ca dao tục ngữ trong dân gian. Thí dụ như câu:

“Hòa cả làng”

“Có đi có lại mới toại lòng nhau”.

“*Trông lên thì chẳng bằng ai, trông xuống thì chẳng ai bằng mình*”.

Việt Nam không có kinh điển để diễn tả tư tưởng của mình nhưng có một kho ca dao tục ngữ đầy đủ những bài học về Đạo Âm Dương Hòa, về đạo sống hòa hợp với nhau trong xã hội.

B. Tượng:

Tượng là biểu tượng; người Việt Nam diễn đạt Đạo Âm Dương Hòa bằng các biểu tượng:

- Biểu tượng “*vuông tròn*” của bánh chưng - bánh dày. Bánh chưng - bánh dày được dâng lên cúng Tổ Tiên vào dịp tết để nhắc nhở mọi người là đạo Hòa phải luôn luôn giữ lấy để sống với nhau hài hòa hạnh phúc.
- Biểu tượng còn thể hiện ở những *huyền thoại*. Huyền thoại Việt Nam được mẹ kể cho con kể từ nhỏ đạo Hòa được truyền đạt vào tâm thức của tuổi trẻ.

C. Số:

Số không phải là số lượng mà là số biểu tượng cho âm dương. Số cũng là tượng nhưng số để vào tâm bằng ấn tượng, thí dụ câu dưới đây:

“Mồng 5, mười bốn (14), hăm ba (23)

Đi chơi còn lỗ nữa là đi buôn”

Người Việt Nam rất “*nể*” trọng số 5 tại vì số 5 là 2+3, hai là âm, 3 là dương, số 5 là số âm dương hòa.

Để hiểu thêm về số 5 (2+3) xin lấy lời của Thiệu Khang Tiết nói về âm dương “Âm gặp dương thì hết”, hết ở đây là số không, theo đạo gia thì số không là vô, Vô là Đạo vì vậy người Việt Nam “nể” số 5 là có lý.

Như vậy Đạo Âm Dương Hòa đã đi vào tiềm thức người Việt, tin rằng những con số 2,3,5 có ý nghĩa linh thiêng huyền bí, đó là số của Đạo Âm Dương Hòa, nên diễn đạt ra thành ca dao tục ngữ.

D. Chế:

Lý thuyết hay tư tưởng Âm Dương Hòa đã thể hiện ra các thể chế ở Việt Nam như thế nào. Trước hết nói về lý thuyết âm dương, để âm có thể hòa hợp với dương thì âm phải bằng dương, Chí Trung Hòa phải hiểu là âm dương tuyệt đối bằng nhau (chỉ ở đây là tuyệt đối).

Trong Dịch Càn (☰) Khôn (☷) (Tức Dương Âm) phải ngang nhau thì mới sinh ra được Bát Quái. Vì sao? vì khi giao nhau càn cho khôn một hào dương thì khôn cũng phải cho càn một hào âm, không thể cho ½ hào âm được.

Nói khác đi, để xây dựng, thành lập các thể chế ở xã hội Việt Nam theo đúng Đạo Dịch hay Âm Dương Hòa thì nguyên tắc căn bản phải tôn trọng là quyền bình đẳng của người dân trong làng, trong nước. Việt Nam ngày xưa từ thời Hùng Vương thực hiện được một nền Dân Chủ vững bền; vì nền dân chủ Tây phương là một nền dân chủ hình thức, còn nền dân chủ ở làng xã Việt Nam mới là nền dân chủ thực sự.

Vì Đạo Âm Dương Hòa đã được người Việt Nam tôn trọng tin theo và đã thực hiện được một thể chế *dân chủ làng xã* và tạo được đời sống thái hòa và hạnh phúc.

Để chúng ta hiểu rõ văn hóa Việt và để hiểu Đạo Âm Dương Hòa đã thể hiện như thế nào trong văn hóa Việt Nam nhất là trong giai đoạn này, chúng ta sẽ nghiên cứu, xem xét các diện sau đây.

1. Đời sống gia đình:

Ở thành thị đời sống gia đình có thể bị văn hóa Trung Hoa và văn hóa Pháp ảnh hưởng nhưng ở thôn quê thì vẫn không có gì thay đổi.

Người vợ có nhiệm vụ nội trợ đóng vai trò nội tướng, còn người chồng thì tham gia vào các hoạt động cộng đồng làng xã, còn nhiệm vụ sản xuất thì ngang nhau “Chồng cấy vợ cấy, con trâu đi bừa”.

2. Đời sống cộng đồng:

Về hoạt động cộng đồng mọi người đều có quyền ngang nhau.

Hội Đồng Kỳ Mục là một cơ quan giống như Quốc Hội gồm những người đại diện dân, hội đồng kỳ mục chọn những người có khả năng ra lo quản lý công việc làng xã.

3. Giáo dục:

Mọi người có quyền ngang nhau về giáo dục. Nhiều vị tiến sĩ, trạng nguyên xuất thân từ gia đình nghèo khó.

4. Quyền Công dân:

Được thể chế dân chủ làng xã bảo đảm bằng Lệ làng và Luật nước như Luật Hồng Đức.

5. Quyền Sinh sống:

Mỗi công dân đều được có phương tiện sinh sống như chế độ Bình Sản bảo đảm ai cũng có ruộng để cày cấy . Người nghèo thì có thể lấy ruộng công để cày cấy.

6. Về ngôn ngữ:

Đạo Âm Dương được thể hiện rõ trong ngôn ngữ.

Linh mục Nguyễn Văn Lý đã trình luận án tiến sĩ của ông tại trường đại học Sorbone về cấu trúc ngôn ngữ Việt Nam. Ông đã phát hiện ra rằng ngôn ngữ Việt Nam có tới 80% chữ được cấu trúc theo lối âm dương như: khó khăn, đề tài, nông sâu, trước sau, vài ba, ngắn dài, làm ăn, ăn uống, thích thú, v.v...

7. Văn học – nghệ thuật:

- Ca hát: Hát quan họ trai gái chia ra làm 2 phe và hát đối theo lối âm dương.
- Thơ, văn của Việt Nam phần lớn ở thể âm dương. Một bài thơ thường được sắp xếp để các ý tứ đối nhau.

Trong tình trạng hiện nay của Việt Nam, nhiều người đã đặt câu hỏi: “Văn hóa Việt Nam đã suy thoái như thế nào?”.

Văn hóa Việt Nam như đã nói trong bài này là một văn hóa Dịch tức văn hóa lấy Đạo Âm Dương Hòa làm Đạo Sống. Văn hóa này đã được thể hiện qua nhiều hình thức nhưng các thể chế làng xã là cốt lõi. Thể chế dân chủ làng xã đã tồn tại từ thời Hùng Vương tới thời

Tây đô hộ nước ta. Trải qua 1000 năm đô hộ giặc Tàu, 100 năm đô hộ giặc Tây, chế độ làng xã vẫn còn nguyên vẹn, nó vô địch nhưng đã phải chịu thua dưới sự tấn công của chế độ cộng sản.

Chế độ dân chủ làng xã, văn hóa âm dương hòa bây giờ đã trở nên câu chuyện cổ tích. Văn hóa Việt Nam đã bị cộng sản tiêu diệt tận gốc rễ.

Sau hơn một nửa thế kỷ, người cộng sản đã tiêu diệt tư tưởng văn hóa Việt Nam để gieo trồng một loại văn hóa cộng sản.

Tôi không biết việc trồng người, tức đào tạo con người cộng sản ở Việt Nam của những người cộng sản có thành công hay không. Nhưng việc tiêu diệt văn hóa Việt Nam thì người cộng sản đã thành công.

VI. Kết luận:

- Đạo Dịch rộng lớn, bao trùm mọi lãnh vực, chi phối mọi biến dịch trong vũ trụ, vạn vật trong xã hội loài người và trong ngay tâm ta.
- Nó đã hướng dẫn tác giả Kinh Dịch tạo dựng lên quyển Kinh Dịch chứa đựng tất cả những luật tắc trong thiên nhiên và trong xã hội loài người.
- Quẻ nào trong 64 quẻ của Kinh Dịch cũng chứa đựng đầy đủ tính chất của Đạo Dịch vì chúng được tạo ra do Đạo Dịch tức đạo Âm Dương Hòa. Và chúng ta có thể hiểu ý nghĩa của quẻ, của hào trong quẻ bằng các lý lẽ của Đạo Dịch.
- Điều này đã được trình bày rất đầy đủ trong bài này. Khi ta đã biết ý nghĩa của quẻ và hào thì chúng ta có thể giải quyết các vấn đề của chúng ta do quẻ cho ta biết.

- Đạo Dịch cũng giúp ta nhận thức được giá trị của Kinh Dịch trong việc mưu cầu hạnh phúc cho bản thân và cho đồng loại.
- Đạo Dịch cũng ảnh hưởng rất lớn lao tới văn hóa của Trung Quốc và Việt Nam.
- Riêng tại Việt Nam thì Đạo Dịch hầu như bao trùm mọi lãnh vực như từ thể chế làng xã đến tư tưởng bình đẳng dân chủ, nhân bản, v.v...
- Để thấy giá trị của Đạo Dịch và Kinh Dịch tôi xin trình bày một sự kiện mới xảy ra trong cộng đồng khoa học.

Các khoa học gia trong ngành vật lý lượng tử và hạ nguyên tử đã vô cùng hồ hởi, phấn khởi đón nhận tin khám phá được hạt Higgs boson, cũng được gọi là hạt của Chúa (God particle). Hạt Higgs boson là hạt cho các vật thể trọng lượng (mass) Trong khi mọi người tổ chức ăn mừng thì có một người không được vui lắm. Người đó là Giáo sư Stephen HAWKING. Giáo sư Stephen HAWKING là một trong những bộ óc lớn nhất của Khoa Vật lý hiện đại. Ông nói “Việc kiếm ra được hạt Higgs boson chả có gì là hay ho (not interesting)”. Ông nói tiếp rằng còn nhiều việc quan trọng hơn nhiều mà khoa học ngày nay chưa biết, người ta phải dồn nỗ lực vào việc kiếm ra những kiến thức về vật tối (dark matter), năng lượng tối (dark energy) và nhất là hạt trọng lực (graviton). Nếu không hiểu biết về những vấn đề này thì làm sao mà kiếm ra được lý thuyết giải thích mọi thứ (theory of everything) tức là M-theory. Ngoài ra ông còn nói rằng: “Muốn hiểu biết những điều vừa nói thì phải hiểu rõ luật *siêu đối xứng* (Super-Symmetry)”. Luật Siêu đối xứng là một lối diễn đạt của chữ *quân bình động*.

Trong Dịch Lý người ta gọi quân bình động là *quân bình âm dương*. Lý do là âm dương có bao giờ đứng yên đâu vì âm dương luôn luôn biến dịch. Trong bài này chúng ta gọi quân bình âm dương là Đạo Dịch tức Đạo Âm Dương Hòa. Sở dĩ gọi âm dương hòa là vì âm và dương luôn luôn đi kiếm nhau, hầu có thể giao nhau, khi giao nhau thì gọi là hòa, tức quân bình. Như vậy, khoa học vật lý hiện đại chưa rành rẽ về Luật Âm Dương Hòa.

Luật Siêu Đối Xứng chính là Luật Âm Dương Hòa.

Giáo sư Stephen HAWKING là một bộ óc thông minh vào bậc nhất so với các khoa học gia khác, đã nói đúng. Nếu không biết Luật Âm Dương Hòa thì làm sao mà kiếm được luật giải thích mọi thứ (theory of everything).

Dịch Lý đã vượt xa các khoa vật lý lượng tử và hạ nguyên tử từ lâu rồi. Phải chăng đã đến lúc khoa học Tây phương phải tham khảo Dịch Lý của Đông Phương. Nhưng muốn hiểu Kinh Dịch thì phải nắm vững lý hai chiều, tức là Lý Thái Cực và Đạo Dịch. Đó là vấn đề !

Thái Đông A